



BẢN DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED

Tên sản phẩm: ECOSURF™ EH-9 Surfactant

Ngày ban hành: 26.01.2017

Ngày in: 27.01.2017

DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED khuyến nghị và mong rằng Quý Khách Hàng đọc và hiểu toàn bộ Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu), vì trong toàn tài liệu có những thông tin quan trọng. Chúng tôi mong rằng Quý Khách Hàng thực hiện theo những cách phòng ngừa nêu trong tài liệu này trừ khi điều kiện sử dụng của Quý Khách cần phải theo phương pháp hoặc hành động thích hợp khác.

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: ECOSURF™ EH-9 Surfactant

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo: Chất hoạt động bề mặt đa dụng. Chúng tôi khuyến nghị rằng Quý Khách Hàng sử dụng sản phẩm hóa chất này một cách nhất quán với công dụng đã liệt kê. Nếu mục đích sử dụng của Quý Khách Hàng khác với công dụng mà chúng tôi đã nêu, xin vui lòng liên hệ với đại diện kinh doanh hoặc đại diện chăm sóc khách hàng.

Thông tin về công ty

DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED
47/F, SUN HUNG KAI CENTRE,
30 HARBOUR ROAD,
WAN CHAI
HONG KONG

Điện thoại thông tin khách hàng::

(86) 21-3851-4988
SDSQuestion@dow.com

ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP

Liên hệ khẩn cấp 24/24: 852-8202-2774

Số điện thoại khẩn cấp trong nước: 8-3999-0007

2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Độc tính cấp tính - Nhóm 5 - Đường miệng
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt - Nhóm 2A
Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật - Nhóm 3

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo: **CẢNH BÁO!**

Cảnh báo nguy hiểm

Có thể có hại nếu nuốt phải.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Có hại đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.

Biện pháp ứng phó

NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Việc thải bỏ

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác

Nguy hiểm trượt chân.

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Sản phẩm này là một chất.

Thành phần	CASRN	Nồng độ
2-Ethyl Hexanol EO-PO Nonionic Surfactant	64366-70-7	> 99,0 %

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung: Người thực hiện các biện pháp sơ cứu phải lưu ý tự bảo vệ bản thân và sử dụng đồ bảo hộ theo khuyến nghị (găng tay kháng hóa chất, biện pháp bảo vệ chống hóa chất bắn tóe ra). Nếu có khả năng phơi nhiễm với hóa chất, hãy tham khảo phần 8 để biết thêm các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cụ thể.

Hít phải: Đưa người bị nạn đến nơi thoáng khí. Nếu có hậu quả xảy ra, hãy xin hướng dẫn của bác sỹ.

Tiếp xúc với da: Rửa sạch bằng thật nhiều nước. Vòi sen an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khăn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Tiếp xúc với mắt: Dội nước rửa mắt ngay lập tức. Tháo kính sát trùng ra (nếu đang mang) sau 5 phút đầu, và tiếp tục dội nước rửa mắt thêm ít nhất là 15 phút nữa. Nhanh chóng tìm sự chăm sóc y tế, tốt nhất là từ bác sỹ nhãn khoa. Vòi rửa mắt an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khăn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Nuốt phải: Nếu nuốt phải, tìm kiếm sự chăm sóc về y tế. Không được cố gây nôn trừ khi có chỉ định của nhân viên y tế.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm: Bên cạnh những thông tin tìm thấy dưới sự mô tả các biện pháp sơ cứu đầu tiên (như trên) và những dấu hiệu tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị cần thiết (dưới đây), các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng khác được mô tả trong Phần 11: Thông tin về độc tính.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị: Không có thuốc chữa trị chuyên biệt. Việc điều trị sự phơi nhiễm hoá chất nên được hướng đến việc kiểm soát triệu chứng lâm sàng và tình trạng của bệnh nhân. Tiếp xúc với da có thể làm trầm trọng thêm bệnh viêm da đã có trước đó.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Dùng nước phun sương hoặc phun xịt mịn. Bình chữa cháy (sử dụng) hoá chất khô. Bình chữa cháy (sử dụng) khí Carbon dioxide. Bọt. Nên dùng các loại bọt chịu được cồn (loại ATC). Có thể dùng các loại bọt tổng hợp sử dụng cho mục đích chung (bao gồm cả AFFF) hoặc các loại bọt protein, nhưng hiệu quả sẽ kém hơn.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp: Không dùng dòng nước trực tiếp. Có thể làm đám cháy lan rộng.

Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hại: Trong một đám cháy, khói có thể chứa nguyên liệu hóa chất gốc cộng với các sản phẩm cháy gồm những thành phần khác nhau có thể độc hại và/hoặc gây khó chịu. Sản phẩm cháy có thể bao gồm và không giới hạn bởi: Carbon monoxide. Carbon dioxide.

Những hiểm họa cháy nổ bất thường: Hơi nước phát sinh hoặc phun trào dữ dội khi dùng dòng nước phun trực tiếp vào hóa chất lỏng đang nóng.

Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Các quy tắc cứu hỏa: Yêu cầu mọi người tránh xa khu vực. Cô lập lửa, và không cho người vào khu vực nếu không cần thiết. Chất lỏng đang cháy có thể được dập tắt bằng cách pha loãng với nước. Không dùng dòng nước trực tiếp. Có thể làm đám cháy lan rộng. Dội nước lên và xung quanh các chất lỏng đang cháy để bảo vệ con người và giảm thiểu các thiệt hại về tài sản.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Mang dụng cụ thở độc lập áp suất dương (SCBA) và trang phục cứu hỏa (bao gồm mũ bảo hộ, áo khoác, quần dài, giày ống, và găng tay). Nếu thiết bị bảo hộ không có sẵn hoặc không được sử dụng, thì nên đứng chữa cháy ở một vị trí đã được bảo vệ hoặc ở một khoảng cách an toàn thích hợp.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp: Cô lập khu vực. Không cho người vào khu vực nếu không cần thiết và không được trang bị các thiết bị bảo vệ. Hoá chất bị tràn/ đổ có thể gây nguy hiểm trượt chân. Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân. Tham khảo phần 7, Các lưu ý khi thao tác, để biết thêm các biện pháp phòng ngừa.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường: Ngăn không cho hóa chất thấm vào đất, mương rãnh, cống, luồng nước và/hoặc nước ngầm. Vui lòng xem Phần 12: Thông tin về sinh thái.

Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.: Nếu có thể, tiến hành chứa đựng hóa chất bị đổ, thoát ra. Thấm hút bằng các nguyên liệu sau: Cát. Đất. Gom vào các thùng chứa thích hợp và được dán nhãn hợp lệ. Không sử dụng nước trong các hoạt động dọn dẹp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phần 13, Những Lưu Ý Khi Loại Bỏ.

7. CÁC LƯU Ý KHI THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất: Tránh tiếp xúc với mắt. Rửa thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Xem Phần 8, Kiểm Soát Sự Tiếp Xúc và Bảo Vệ Cá Nhân.

Các điều kiện lưu giữ an toàn: Không có yêu cầu cụ thể. Để biết thêm thông tin về xử lý và cất trữ của sản phẩm này, vui lòng gọi điện thoại đến bộ phận bán hàng hoặc liên hệ với phòng dịch vụ khách hàng. Hạn sử dụng chỉ dành cho những thùng chứa chưa từng được mở qua dưới điều kiện nhiệt độ trung bình.

Không bắt buộc có điều kiện lưu giữ đặc biệt.

Tính ổn định trong lưu trữ

Thời hạn sử dụng: Sử dụng trong vòng
24 Tháng

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Các giới hạn phơi nhiễm (nếu có) được liệt kê dưới đây.

Giới hạn phơi nhiễm chưa được thiết lập cho những chất đã liệt kê trong thành phần cấu tạo, nếu có bất kỳ công bố nào.

Kiểm soát phơi nhiễm

Các kiểm soát kỹ thuật: Áp dụng biện pháp thông gió thoát khí cục bộ, hoặc kiểm soát công trình để duy trì nồng độ trong không khí bên dưới các yêu cầu giới hạn hoặc hướng dẫn phơi nhiễm. Nếu không có các hướng dẫn hoặc yêu cầu giới hạn về phơi nhiễm, cần cung cấp đủ sự thông gió chung cho hầu hết các hoạt động xử lý. Thông gió thoát khí cục bộ có thể cần thiết cho một số hoạt động.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Sử dụng kính bảo hộ chống hoá chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu được hóa chất này. ví dụ điển hình của những găng tay chống chịu được nguyên liệu bao gồm: Cao su butyl Cao su thiên nhiên ("latex") Neoprene. Cao su nitrile/butadiene ("nitrile" or "NBR"). Polyethylene. Ethyl vinyl alcohol laminate ("EVAL"). Polyvinyl chloride ("PVC" hoặc "vinyl"). Tránh sử dụng găng tay làm từ: Polyvinyl alcohol ("PVA"). **LƯU Ý:** Việc lựa chọn loại găng tay cụ thể cho một công việc và thời gian cụ thể ở nơi làm việc phải được xem xét đến tất cả các yếu tố có liên quan ở nơi làm việc chẳng hạn như nhưng không hạn chế bởi: những hóa chất khác có thể xử lý, các yêu cầu về mặt vật lý (bảo vệ chống cắt đứt/đâm thủng, chống nhiệt), những phản ứng của cơ thể đối với găng tay có thể xảy ra, cũng như những hướng dẫn, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất găng tay.

Các lưu ý bảo vệ khác: Sử dụng trang phục bảo hộ chịu được hóa chất này. Việc lựa chọn các vật dụng cụ thể chẳng hạn như: tấm che mặt, giày ủng, tạp dề, hoặc quần áo liền thân sẽ tùy thuộc vào công việc.

Bảo vệ hô hấp: Không cần sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu tuân theo những điều kiện xử lý đã được lưu ý.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	Dạng lỏng.
Trạng thái vật lý	
Màu	Không màu đến màu vàng
Mùi	Mùi nhẹ
Ngưỡng mùi	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Độ pH	5,0 - 7,5 ASTM E70 dung dịch nước 1%.
Điểm/khoảng nóng chảy	Không áp dụng cho chất lỏng.
Điểm đông	Xem Điểm đặc quánh
Điểm sôi (760 mmHg)	phân hủy trước khi sôi
Điểm chớp cháy	cốc kín 288 °C ASTM D 93 cốc hở 244 °C ASTM D92
Mức độ bay hơi (Butyl acetate = 1)	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng cho chất lỏng.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Giới hạn trên của cháy nổ	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Áp suất hơi	< 0,01 mmHg Ước tính.
Tỷ trọng hơi tương đối (không khí = 1)	>1 Ước tính.
Tỷ trọng tương đối (nước = 1)	1,026 ở 20 °C / 20 °C Đã đo.
Tính tan trong nước	100 % Có thể quan sát bằng mắt
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Nhiệt độ phân hủy	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Độ nhớt động lực học	51 cSt ở 40 °C ASTM D 445
Đặc tính cháy nổ	chưa có dữ liệu
Đặc tính oxy hóa	chưa có dữ liệu
Mật độ chất lỏng	1,0237 g/cm ³ ở 20 °C ASTM D4052

Trọng lượng phân tử chưa có dữ liệu
điểm đông đặc 16 °C ASTM D97

Chú ý: Các dữ liệu vật lý được trình bày ở trên là giá trị tiêu biểu và không nên được hiểu như là một đặc điểm kỹ thuật

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng: chưa có dữ liệu

Tính ổn định hóa học: Ổn định về nhiệt ở các nhiệt độ sử dụng điển hình.

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không xảy ra phản ứng trùng hợp.

Các điều kiện cần tránh: Khi tiếp xúc với nhiệt độ cao có thể làm cho sản phẩm hóa chất bị phân hủy.

Các vật liệu xung khắc: Tránh tiếp xúc với: Axit mạnh. Bazơ mạnh. Chất oxy hoá mạnh.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm phân hủy tùy thuộc vào nhiệt độ, lượng không khí được cung cấp, và sự tham gia của những nguyên liệu hoá chất khác.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về độc hại được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Độc tính cấp tính

Độc tính cấp theo đường miệng

Tính độc hại thấp nếu nuốt phải. Nếu ngẫu nhiên nuốt phải những lượng nhỏ nguyên liệu hoá chất trong các hoạt động xử lý thông thường thì không gây tổn thương; tuy nhiên, nếu nuốt phải những lượng lớn hơn thì có thể gây tổn thương.

Đặc trưng cho họ nguyên liệu hoá chất này.
LD50, Chuột, con cái, > 2.000 mg/kg

Độc tính cấp qua da

Sự tiếp xúc kéo dài với da có vẻ như không gây thấm hút những lượng độc hại

Đặc trưng cho họ nguyên liệu hoá chất này.
LD50, Chuột, > 2.000 mg/kg Không có tử vong xảy ra ở nồng độ này.

Độc tính cấp do hít phải

Ở nhiệt độ phòng, sự phơi nhiễm với hơi hóa chất là rất ít do tính chất bay hơi thấp; sự phơi nhiễm đơn lẻ không có khả năng gây nguy hiểm. Đối với các ảnh hưởng kích ứng hô hấp và gây mê: Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

LC50 chưa được xác định.,

Ăn mòn/kích ứng da

Tiếp xúc với sản phẩm hoá chất trong thời gian ngắn có thể gây kích ứng cho da với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Có thể gây khô và bong da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Có thể gây kích ứng cho mắt ở cấp độ trung bình.

Có thể gây tổn thương màng sừng ở cấp độ trung bình.

Gây mẫn cảm

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa có các dữ liệu liên quan.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Các dữ liệu sẵn có không đủ để xác định độc tính đối với từng bộ phận chuyên biệt của cơ thể khi phơi nhiễm đơn lẻ với hoá chất.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm lặp đi lặp lại)

Chưa có các dữ liệu liên quan.

Độc tính gây ung thư

Chưa có các dữ liệu liên quan.

Độc tính gây quái thai

Chưa có các dữ liệu liên quan.

Độc tính đối với sinh sản

Chưa có các dữ liệu liên quan.

Độc tính gây đột biến

Một hóa chất thuộc họ hóa chất này đã cho kết quả âm tính trong các xét nghiệm Ames.

Nguy cơ hô hấp

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về độc hại sinh thái được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Độc tính sinh thái

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

EC50, *Daphnia magna* (Bọ nước), Thử nghiệm tĩnh, 48 h, 36,6 mg/l

Độc tính cấp tính đối với tảo

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

Nguyên liệu hóa chất gây độc hại nhẹ đối với thủy sinh vật trên cơ sở cấp tính (LC50/EC50 ở giữa 10 và 100 mg/L ở hầu hết các loài nhạy cảm đã kiểm tra).

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

ErC50, *Desmodesmus subspicatus* (tảo lục), 72 h, Ước chế tốc độ tăng trưởng, 31,9 - 97,7 mg/l

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

NOEC, *Desmodesmus subspicatus* (tảo lục), 72 h, Ước chế tốc độ tăng trưởng, 6,25 - 25 mg/l

Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học: Đối với họ nguyên liệu hoá chất này: Nguyên liệu hóa chất dễ dàng phân hủy sinh học. Đạt (các) kiểm tra OECD về tính dễ phân hủy sinh học.

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: > 60 %

Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Phương pháp: Hướng dẫn kiểm tra số 301F của các quốc gia công nghiệp phát triển (OECD) hoặc tương đương

Tiềm năng tích lũy sinh học

Tính tích lũy sinh học: Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Tính dịch chuyển trong đất

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất này chưa được đánh giá cho tính bền, tích lũy sinh học, và độc tính (PBT).

Các ảnh hưởng có hại khác

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm tầng ozone của nghị định Montreal.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ: KHÔNG ĐƯỢC ĐỔ VÀO CỐNG RÃNH, MẶT ĐẤT, HOẶC CÁC NGUỒN NƯỚC. Tất cả quy trình thải bỏ phải tuân thủ pháp luật và quy định của Liên Bang, Bang/tỉnh và địa phương. Các quy định có thể khác nhau ở những nơi khác nhau. Việc mô tả đặc tính chất thải và việc tuân thủ các luật, quy định có liên quan là trách nhiệm hoàn toàn của bên đã làm phát sinh chất thải. LÀ NHÀ CUNG CẤP, CHÚNG TÔI KHÔNG KIỂM SOÁT QUY TRÌNH QUẢN LÝ HOẶC CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÁC BÊN XỬ LÝ HOẶC SỬ DỤNG HÓA CHẤT NÀY. THÔNG TIN NẾU Ở ĐÂY CHỈ GẮN LIỀN VỚI SẢN PHẨM THEO NHƯ TÌNH TRẠNG ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG MSDS Ở PHẦN: Thông tin về thành phần KHI ĐƯỢC VẬN CHUYỂN ĐẾN QUÝ KHÁCH HÀNG. ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM CHƯA SỬ DỤNG HOẶC CHƯA BỊ NHIỄM BẮN, thì nên chuyển đến một cơ sở đã được cấp phép, phê duyệt: Lò đốt hoặc một thiết bị tiêu hủy bằng nhiệt. Hệ thống xử lý nước thải.

Sản phẩm này phải được xử lý như chất thải nguy hại khi thải bỏ ở trạng thái chưa được sử dụng hoặc chưa bị nhiễm bẩn.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Phân loại đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt
Not regulated for transport

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG BIỂN (IMO-IMDG)

Not regulated for transport
Consult IMO regulations before transporting ocean bulk
Vận chuyển theo khối dựa trên Phụ Lục I hoặc II của MARPOL 73/78 (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển) và theo mã quy ước quốc tế IBC hoặc IGC

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG KHÔNG (IATA / ICAO):
Not regulated for transport

Thông tin này không nhằm mục đích để truyền đạt tất cả các qui định pháp lý cụ thể hoặc các yêu cầu/ thông tin vận hành liên quan đến sản phẩm này. Phân loại khi vận chuyển có thể thay đổi tùy theo khối lượng/ thể tích chuyên chở và các điều chỉnh pháp lý theo khu vực hoặc quốc gia. Có thể tìm hiểu thêm thông tin bổ sung trong vận chuyển thông qua đại diện thương mại hoặc đại diện dịch vụ khách hàng đã được ủy quyền. Hãng vận tải có trách nhiệm tuân thủ các luật, quy định, quy tắc liên quan khi tiến hành vận chuyển hóa chất này.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Theo như chúng tôi biết, những luật lệ được liệt kê sau đây cung cấp những yêu cầu cần thiết dựa trên kinh doanh hoá chất, sử dụng hóa chất một cách an toàn, vận chuyển hóa chất, quy định về nhãn hoá chất tại Việt Nam:

Luật Hoá Chất của Quốc Hội khóa XII, số 06/2007/QH12, được ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007.

Nghị Định 108/2008/NĐ-CP, Quy Định Chi Tiết và Hướng Dẫn Thi Hành Một Số Điều của Luật Hoá Chất, được ban hành ngày 07 tháng 10 năm 2008; và Nghị Định 26/2011/NĐ-CP, Sửa Đổi Một Số Điều của Nghị Định số 108/2008/NĐ-CP, được ban hành ngày 08 tháng 04 năm 2011.

Nghị định số 104/2009/NĐ-CP, Quy định Danh Mục Hàng Hoá Nguy Hiểm và Vận Chuyển Hàng Nguy Hiểm Bằng Phương Tiện Giao Thông Cơ Giới Đường Bộ , được ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2009.

Nghị Định số 29/2005/NĐ-CP, Quy Định Danh Mục Hàng Hóa Nguy Hiểm và Việc Vận Tải Hàng Hóa Nguy Hiểm Trên Đường Thủy Nội Địa.

Nghị Định số 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 30 tháng 08 năm 2006.

Chúng tôi khuyến nghị khách hàng nên kiểm tra xem có quy định cụ thể nào tại địa điểm sử dụng sản phẩm về việc phải nghiên cứu kỹ lưỡng đối với con người hoặc các ứng dụng dùng trong thú y, như phụ gia thực phẩm và dược phẩm hoặc bao bì, sản phẩm vệ sinh gia dụng, và mỹ phẩm, hoặc ngay cả các chất phải kiểm soát đã được công nhận là tiền chất để sản xuất dược phẩm, vũ khí hóa học và đạn dược.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tài liệu giới thiệu về sản phẩm

Để biết thêm thông tin về sản phẩm hóa chất này và các sản phẩm khác, xin vui lòng truy cập vào trang web của chúng tôi. Để biết thêm thông tin về sản phẩm này, xin vui lòng gọi đến bộ phận kinh doanh hoặc dịch vụ khách hàng của Công ty. Vui lòng yêu cầu tài liệu giới thiệu sản phẩm.

Hệ thống xếp hạng nguy cơ

NFPA

Y tế	Cháy	Phản ứng
2	1	0

Chỉnh sửa

Số nhận biết 101223497 / A145 / Ngày ban hành: 26.01.2017 / Phiên bản: 4.0

(Các) chỉnh sửa gần đây nhất được in đậm, đánh dấu bằng thanh đôi cạnh lề trái trong toàn bộ tài liệu.

DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED khuyến khích khách hàng hoặc người nhận Bản Dữ liệu An Toàn (Nguyên Liệu) này hãy đọc nó thật kỹ và tham khảo ý kiến từ chuyên gia, đó là điều cần thiết để nhận thức và hiểu được những thông tin trong Bản Dữ Liệu này và những mối nguy hiểm có thể phát sinh từ sản phẩm. Thông tin cung cấp trong bản này là thành thật và được cho là chính xác căn cứ theo ngày hiệu lực đã nêu ở trên đây. Tuy nhiên, không có bảo đảm, nêu ra, hay ám chỉ được đưa ra. Các yêu cầu cũng như quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau ở từng nơi. Người mua/người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ luật quốc gia và các quy định ở cấp thành phố, tỉnh, hoặc địa phương sở tại. Những thông tin trong bản này chỉ gắn liền với sản phẩm của chúng tôi đã bán cho quý khách hàng. Do nhà sản xuất không thể kiểm soát được các điều kiện sử dụng sản phẩm, nên người mua/người sử dụng có nhiệm vụ phải quyết định những điều kiện cần thiết để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn. Do hiện nay có nhiều nguồn thông tin cung cấp khác nhau như là bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ nhà sản xuất, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm, cũng như không có khả năng chịu trách nhiệm cho những nguồn thông tin khác không phải của chúng tôi. Nếu quý khách hàng đã nhận được Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ một nguồn khác hoặc nếu quý khách không chắc rằng Bản Dữ Liệu của mình có cập nhật không, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được phiên bản mới nhất.